TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 /7/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1/- Bà Cao Thị Sáng;*

*2/- Ông Nguyễn Hữu Thi.*

***- Thư ký phiên tòa****: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa:****Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*1/- Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*2/- Bị đơn*: Ông Lê Minh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà B và ông H vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Bà và ông Lê Minh H chung sống với nhau 10 năm, đã ly thân nhau hơnn 05 năm nay do hai bên mâu thuẫn từ việc nhỏ đến việc lớn và cải nhau liên tục, ông H ngày nào cũng uống rượu, bà khuyên can nhiều lần nhưng không thay đổi. Bà B cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được nên yêu cầu Tòa án chấp nhận cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giữa bà và ông H có 01 con chung tên Lê Thị Hải Yến, sinh ngày 01/8/2009. Bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Minh H không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

*Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Lê Minh H vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].** Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà B.

Ông Lê Minh H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

**[2].** Về quan hệ hôn nhân:

Bà B giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 04/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tân Bình nên Hội đồng xét xử xác định giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Lê Minh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, bà B xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H trầm trọng nên đã ly thân nhau hơn 05 năm nay không hòa giải hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Ông H không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà B, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ ông không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với bà B nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định lời trình bày của bà B về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

**[3].** Về con chung:

Bà B yêu cầu nuôi 01 con chung tên Lê Thị Hải Yến, sinh ngày 01/8/2009, yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng.

Ông H không có văn bản phản đối yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho con của bà B.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Yêu cầu nuôi con chung của bà B là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bà B yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp khả năng thực tế của ông H và nhu cầu thiết yếu của cháu Hải Yến,

phù hợp theo quy định tại các Điều 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[4].** Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu giải quyết.

**[5].** Về án phí:

Bà B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[6].** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:**

1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Lê Minh H.

2. Con chung:

- Giao con chung tên Lê Thị Hải Yến, sinh ngày 01/8/2009 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

- Buộc ông Lê Minh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng tính từ tháng 7/2020 đến khi cháu Hải Yến đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0419 ngày 03/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà B không phải nộp tiếp tiền án phí.

Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà B và ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: B, H;
- UBND xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hồ Thị Ánh Tuyết